

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DƯỢC PHẨM RUBY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DƯỢC PHẨM RUBY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUBY EQUIPMENT AND MEDICINE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RUBY EQUIPMENT AND MEDICINE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108885326

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ngải Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982249779

Fax:

Email: buiduydat12@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác;<br>- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>(Không bao gồm bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh) | 4773(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 4.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4719        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 33 Luật Dược năm 2016)                                                                                                                                      | 4772 |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Nhóm này gồm: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối.                                                                                                              | 4669 |
| 7.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(Điều 12, Điều 13 Nghị định 36/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3250 |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 9.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động Đầu giá bán lẻ qua Internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791 |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                       | 4759 |
| 11. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ. | 4784 |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632 |
| 14. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641 |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4771 |
| 16. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh);<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh                                                               | 5610 |
| 18. | Đại lý du lịch<br>(Điều 49 Luật du lịch năm 2017)                                                                                                                                                                                                                          | 7911 |
| 19. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Khoản 1 Điều 31 Luật du lịch năm 2017);<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Khoản 2 Điều 31 Luật du lịch năm 2017).                                                                       | 7912 |
| 20. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                        | 7990 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Loại trừ hoạt động quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)                                                                                                                                                              | 5630 |
| 23. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                             | 7410 |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4741 |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 28. | Xuất bản phần mềm<br>(Điều 17 Nghị định 195/2013/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                    | 5820 |
| 29. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                        | 6202 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                            | 6209 |
| 31. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                         | 6311 |
| 32. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                  | 6312 |
| 33. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại.                                                                                      | 5590 |
| 34. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                 | 3240 |
| 35. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                   | 4764 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;<br>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi.<br>(Không bao gồm: Hoạt động của Đấu giá viên, Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức.)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4789 |
| 37. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng ( Khoản 3 điều 2 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1079 |
| 38. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3230 |
| 39. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1702 |
| 40. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giấy viết, giấy in;<br>- Sản xuất giấy in cho máy vi tính;<br>- Sản - Sản xuất giấy nện và giấy than;<br>- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;<br>- Sản xuất phong bì, bưu thiếp;<br>- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bì rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại;<br>- Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy;<br>- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt;<br>- Sản xuất nhãn hiệu;<br>- Sản xuất giấy lọc và bì giấy;<br>- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bì giấy; xuất giấy tự copy khác. | 1709 |
| 41. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4761 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: BÙI DUY ĐẠT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017040371

Ngày cấp: 17/12/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: BÙI DUY ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017040371

Ngày cấp: 17/12/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội